

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2021/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 29 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 183/TTr-STNMT ngày 01/7/2021, Công văn số 2662/STNMT-TTra ngày 01/9/2021 và số 2877/STNMT-TTra ngày 16/9/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với
từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019
của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với từng loại vi phạm hành chính (thuộc biện pháp khắc phục hậu quả) được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Phú Yên, cụ thể:

1. Sử dụng đất trồng lúa; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất; đất trong nhóm đất phi nông nghiệp vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai năm 2013.

2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa không đúng quy định của pháp luật.

3. Lấn, chiếm đất.

4. Hủy hoại đất (trường hợp làm biến dạng địa hình hoặc làm suy giảm chất lượng đất).

5. Gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính:

a) Hộ gia đình, cộng đồng dân cư, cá nhân trong nước, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân).

b) Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở tôn giáo (sau đây gọi chung là tổ chức).

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 3. Xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

Tình trạng ban đầu của đất cần khôi phục nguyên trạng bao gồm: Mục đích sử dụng, địa hình, thổ nhưỡng. Trong đó:

1. Mục đích sử dụng đất được xác định theo quy định tại Điều 11 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Luật Đất đai thì việc xác định mục đích sử dụng ổn định trước khi vi phạm căn cứ quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú tại khu dân cư cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất hoặc trước hoặc cùng thời điểm xảy ra hành vi vi phạm pháp luật đất đai bị xử phạt vi phạm hành chính.

2. Địa hình được xác định dựa vào các loại tài liệu, bản đồ hiện có phục vụ công tác quản lý đất đai của địa phương và địa hình, địa mạo của các khu đất, thửa đất xung quanh.

3. Thổ nhượng được xác định trên cơ sở thổ nhượng của các khu đất, thửa đất xung quanh có cùng mục đích sử dụng.

Chương II

MỨC ĐỘ KHÔI PHỤC LẠI TÌNH TRẠNG BAN ĐẦU CỦA ĐẤT TRƯỚC KHI VI PHẠM ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI VI PHẠM HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 91/2019/NĐ-CP NGÀY 19/11/2019 CỦA CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

Điều 4. Đối với các vi phạm quy định tại Điều 9, 10, 11, 12 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ (sử dụng đất trồng lúa; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất; đất trong nhóm đất phi nông nghiệp vào mục đích khác mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013)

1. Trường hợp đối tượng vi phạm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì buộc đối tượng vi phạm giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như tại thời điểm phát hiện vi phạm và thực hiện thủ tục xin phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

2. Trường hợp đối tượng vi phạm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất từ ngày 01

tháng 7 năm 2014 trở về sau thì buộc đối tượng vi phạm phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và sử dụng đất đúng mục đích quy định.

Điều 5. Đối với vi phạm quy định tại Điều 13 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ (chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa không đúng quy định)

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác thì buộc đối tượng vi phạm phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm để tiếp tục trồng lúa.

Điều 6. Đối với vi phạm quy định tại Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ (lấn, chiếm đất)

1. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì buộc đối tượng vi phạm giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như tại thời điểm phát hiện vi phạm.

2. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; lấn, chiếm đất chưa sử dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau thì buộc đối tượng vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

3. Trường hợp lấn, chiếm đất nông nghiệp; đất phi nông nghiệp thì buộc đối tượng vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Điều 7. Đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ (hủy hoại đất)

1. Trường hợp làm biến dạng địa hình đối với đất trồng lúa thì buộc đối tượng vi phạm phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

2. Trường hợp làm biến dạng địa hình trong trường hợp làm thay đổi độ dốc bề mặt đất, nâng cao hoặc hạ thấp bề mặt đất thì buộc phải thực hiện san lấp, khôi phục độ cao ban đầu của thửa đất, cũng như thực hiện cải tạo đất để sử dụng vào mục đích ban đầu trước khi vi phạm.

3. Trường hợp làm biến dạng địa hình do san lấp đất có mặt nước chuyên dùng, kênh, mương tưới, tiêu nước hoặc san lấp nâng cao bề mặt của đất nông nghiệp so với các thửa đất liền kề thì buộc phải thực hiện thu hồi vật liệu đã san lấp, trả lại hiện trạng ban đầu đối với đất có mặt nước chuyên dùng, kênh, mương tưới, tiêu nước; buộc phải hạ thấp, trả lại mặt bằng ban đầu hoặc bằng các thửa đất liền kề và cải tạo đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp như thửa đất ban đầu trước khi vi phạm.

4. Trường hợp làm suy giảm chất lượng đất thì buộc đối tượng vi phạm phải cải tạo đất tương đương với chất lượng thổ nhưỡng của thửa đất như ban đầu.

Điều 8. Đối với vi phạm quy định tại Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ (gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác)

1. Trường hợp đưa vật liệu xây dựng hoặc các vật khác lên thửa đất của người khác hoặc thửa đất của mình mà gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác thì buộc đối tượng vi phạm thu hồi, di dời vật liệu xây dựng hoặc các vật khác ra khỏi diện tích đất vi phạm và thực hiện cải tạo đất tương đương chất lượng thửa đất ban đầu hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

2. Trường hợp đưa chất thải, chất độc hại lên thửa đất của người khác hoặc thửa đất của mình gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác thì buộc đối tượng vi phạm thu hồi toàn bộ các chất thải, chất độc hại đã đưa vào bề mặt đất và thực hiện cải tạo đất, xử lý các chất thải, chất độc hại đó đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng đất để sử dụng theo mục đích thửa đất trước khi vi phạm.

3. Trường hợp đào bới, xây tường, làm hàng rào gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác thì buộc đối tượng vi phạm san lấp diện tích đất đã đào bới, di dời hoặc tháo dỡ công trình xây dựng trên thửa đất, di chuyển vật liệu xây dựng, các vật khác ra khỏi diện tích đất vi phạm và thực hiện cải tạo đất có chất lượng tương đương với chất lượng thửa đất ban đầu hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy định này.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung kịp thời./.